

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01-6-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tấn Vũ;
2. Ông Đinh Xuân Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử phiên tòa dân sự số 276/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị S, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 108, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn P, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn X- Chuyên viên Trung tâm truyền thông văn hóa thể thao huyện Ba Tư (phiên dịch tiếng Hre).

Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn ghi ngày 22/12/2022; anh P, ông K có mặt; ông X vắng mặt không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/11/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:*

Chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn P tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ba Xa, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh P thường xuyên có hành vi đánh chị S, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể giải quyết. Vợ chồng chị S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn P.

Về con chung: Chị S và anh Phạm Văn P có 02 người con chung tên là Phạm Xuân T, sinh ngày 27/10/2010, Phạm Xuân H, sinh ngày 17/12/2019. Nếu ly hôn, chị S đồng ý giao hai cháu T, H cho anh P nuôi dưỡng, chị S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn P trình bày:*

Điều kiện kết hôn giữa anh P và chị S đúng như chị S đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi vã và bất đồng quan điểm sống nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P thì anh P không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh P và chị S có 02 người con chung đúng như chị S đã trình bày, nếu Tòa án cho ly hôn thì anh P yêu cầu được nuôi hai cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 27/10/2010, Phạm Xuân H, sinh ngày 17/12/2019 và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Tình cảm của chị S đối với anh P không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị S được ly hôn với anh P; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Phạm Xuân T, sinh ngày 27/10/2010, Phạm Xuân H, sinh ngày 17/12/2019 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng; anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Phạm Văn P.

- Về con chung: Giao hai con chung Phạm Xuân T, sinh ngày 27/10/2010, Phạm Xuân H, sinh ngày 17/12/2019 cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn P không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Nguyên đơn chị Phạm Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người phiên dịch ông Phạm Văn X vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn P trình bày không yêu cầu người phiên dịch, vì anh P nghe, nói được tiếng phổ thông (tiếng kinh) rõ ràng, anh P đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ theo Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn P là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. **Tại phiên tòa, anh P thừa nhận nhiều khi giận vợ nên có hành vi bạo lực với chị S;** chị S và anh P đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Qua làm việc Công an xã Ba Xa, huyện Ba Tơ cũng xác nhận chị S nhiều lần báo Công an xã Ba Xa vì anh P có hành vi bạo lực với chị S; quá trình giải quyết vụ án chị S tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh P, vì mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được. Điều đó chứng tỏ chị S đã thực sự không còn yêu thương anh P, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị S yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 cháu Phạm Xuân T, trình bày có nguyện vọng ở với chị S nếu chị S với anh P ly hôn; tuy nhiên: xét về toàn diện thì hiện nay chị S không có chỗ ở ổn định; anh P có chỗ ở và nghề nghiệp ổn định, là giáo viên Trường phổ thông trung học; mặt khác chị S cũng đồng ý giao hai con chung cho anh P nuôi dưỡng nên xét thấy cần giao hai cháu Phạm Xuân T, Phạm Xuân H cho anh P nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp

với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị S, anh Phạm Văn P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Phạm Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Phạm Xuân T, sinh ngày 27/10/2010, Phạm Xuân H, sinh ngày 17/12/2019 cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Phạm Thị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị S phải chịu số tiền 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm ngàn đồng*) chị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003064 ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

*Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/6/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo

tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ba Xa, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Huy**